

Bản án số:79/2020/HS-ST

Ngày: 04-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Duy Phương.

Ông Hoàng Văn Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2020/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286A/2020/HSST-QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2020/HSST-QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN A, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1994 tại Bến Tre; Trú tại: 72/1 Giao Hòa A, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Phòng số 16, nhà trọ số 14/24 Đường 26, tổ 11, khu phố Long Hòa, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29 tháng 5 năm 2020 (Có mặt).

2. NGUYỄN VĂN D, sinh năm 1994 tại Cà Mau; Trú tại: Ấp 11, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: 832/2 Nguyễn Xiển, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29 tháng 5 năm 2020 (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị G1, sinh năm 1965

Địa chỉ: 50 Trương Văn Thành, KP4, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Đặng Văn G2, sinh năm 1989

Địa chỉ: 360/17/14 Tân Hòa Đông, phường Bình Trị Đông, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Đặng Văn G3, sinh năm 1957

Địa chỉ: số 8 Bình Đức, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ông Trần Văn G4, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn An Thái, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò Vò, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Văn G5, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp Mương Đào C, xã Vân Khánh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

6. Bà Trần Mai G6, sinh năm 1995

Địa chỉ: 25T3 chung cư 351/31 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Chí G7, sinh năm 1995

Địa chỉ: 832/2 Nguyễn Xiển, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 28 tháng 11 năm 2018, tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước số 1394 Trường Sa, Phường 3, quận Tân Bình phát hiện Nguyễn Văn A điều khiển xe SH150i biển số 59N1-393.21 và Nguyễn Văn D điều khiển xe Honda Future biển số 51L6-2293 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính thì cả hai không xuất trình được giấy tờ tùy thân và giấy đăng ký xe nên tổ tuần tra lập hồ sơ chuyển giao cho Công an Quận 3 xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an Quận 3, Nguyễn Văn A khai nhận: Vào ngày 26 tháng 11 năm 2018 bị cáo Nguyễn Văn A dùng tài khoản Facebook tên “Minh Trí” lên mạng xã hội tìm mua xe SH150i không giấy tờ thì thấy nick name “Phong Huy” đăng bán 01 xe máy hiệu SH150i, biển số: 59N1-393.21 với giá 30.000.000 đồng, xe không có giấy tờ. Bị cáo A trao đổi và đồng ý mua với giá 28.000.000 đồng và hẹn giao xe tại trước chung cư Coopmart số 974A Trường Sa,

Phường 12, Quận 3. Đến ngày 28 tháng 11 năm 2018 bị cáo A chạy xe gắn máy Honda biển số 51L6-2293 đến rủ bị cáo Nguyễn Văn D đi công việc, sau đó bị cáo A chở bị cáo D đến trước siêu thị Coopmart số 974A Trường Sa gặp một thanh niên(không rõ lai lịch) chạy xe SH150i đến và bị cáo A xem xe. Sau khi xem xe xong bị cáo A biết xe này là do phạm pháp mà có nhưng vì thấy xe bán giá rẻ nên mua với giá 27.500.000 đồng. Sau khi mua xong bị cáo A chạy xe SH150i vừa mua, còn bị cáo D chạy xe Honda của A về thì bị công an kiểm tra hành chính và cả hai bị cáo không xuất trình được giấy tờ tùy thân, giấy đăng ký xe nên tổ tuần tra lập hồ sơ chuyển cho Công an Quận 3 xử lý.

Nguyễn Văn D khai nhận: Việc mua xe SH150i của bị cáo A bị cáo không biết, khi bị cáo A đến rủ đi công chuyện thì do chỗ quen biết nên bị cáo đi cùng. Quá trình xử lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3 khám xét chỗ ở của bị cáo Nguyễn Văn D tại nhà số 832/2 Nguyễn Xiển, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ 01 xe Exciter màu trắng đỏ, gắn biển số 68M1-210.20, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 011756 mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 đối với xe Exciter thu giữ trên. Bị cáo D khai nhận mua xe này của người mang tên Nguyễn Công Chánh vào tháng 8 năm 2018 tại số 29 đường số 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với giá 19.000.000 đồng, xe do người có tên Nguyễn Công Chánh bán viết cam kết là xe cần trừ nợ của Nguyễn Hoàng Hải, quê ở Thành phố Hồ Chí Minh, không có giấy đăng ký xe do Chánh đã làm mất, xe mua bằng giấy viết tay do bị cáo A đứng tên mua dùm cho bị cáo D. Sau đó bị cáo D nhờ bị cáo A kiểm tra xe thì phát hiện biển số xe không khớp với kiểu loại xe nên bị cáo D nhờ bị cáo A tìm cách làm giả giấy đăng ký xe và biển số xe giả phù hợp với kiểu loại xe để sử dụng. Bị cáo A đồng ý.

Bị cáo Nguyễn Văn A khai nhận: Việc bị cáo mua xe SH150i là xe phạm pháp bị cáo D không biết, riêng việc mua xe Exiter màu đỏ trắng biển số 68M1-210.20 thì đúng như bị cáo D trình bày. Sau khi kiểm tra xe dùm bị cáo D thì cả hai phát hiện là biển số xe trên không khớp với kiểu loại xe nên bị cáo đồng ý làm giả giấy tờ xe và biển số xe cho bị cáo D. Sau đó bị cáo lên mạng liên hệ người có tên Facebook “Domto”(không rõ lai lịch), cung cấp thông tin về loại xe, số khung, số máy để thuê làm giả với giá 3.000.000 đồng. Bị cáo D đưa cho bị cáo A 3.000.000 đồng và bị cáo A chuyển khoản cho người làm giả. Sau khi nhận được biển số xe giả số 68M1-210.20 và giấy đăng ký xe mô tô giả mang tên Nguyễn Văn T thì bị cáo D đưa cho bị cáo A gắn vào xe mua của người tên Chánh để sử dụng xe cho đến khi bị bắt.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ xe gắn máy Honda Future biển số 51L6-2293 của bị cáo Nguyễn Văn A và thu giữ tại nơi ở của bị cáo D 01 xe gắn máy Exciter màu xanh dương biển số 59X2-234.29 để điều tra xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 3, kết luận: 01 xe

Honda SH150i, gắn biển số 59N1-393.21(biển số giả)tại thời điểm tháng 11 năm 2018 trị giá 56.333.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số 735/KL-KTHS ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang, kết luận: Biển số xe mô tô 68M1-210.20 là giả.Tại bản kết luận giám định số 514/KLGD-TT ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 011756 đứng tên Nguyễn Văn T 1985, biển số đăng ký 68M1-210.20 là giả.

Vật chứng vụ án:

- Đối với xe máy hiệu Honda SH150i, số máy KF14E00022120, số khung RLHKF141XDY002099 gắn biển số 59N1-393.21. Qua xác minh thì biển số xe trên là giả, chiếc xe trên có biển số thật là 59X1-251.55, chủ sở hữu là bà Trần Thị G1, bị mất xe ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại 50 Trương Văn Thành, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09 tháng 01 năm 2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 3 đã giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an Quận 9 giải quyết theo thẩm quyền.

- Đối với xe gắn máy Exiter màu trắng đỏ, gắn biển số 68M1-210.20, qua xác minh biển số trên là giả, xe có biển số thật là 66V1-471.15 do anh Trần Văn G4 (sinh năm 1966;HKTT: ấp An Thái, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp) đứng tên chủ sở hữu. Anh G4 khai tháng 6 năm 2018 cho bạn tên Bằng mượn tại khu vực phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương sử dụng rồi bị chiếm đoạt. Qua xác minh tại Công an phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An và Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thị xã Thuận An thì anh G4 không có trình báo việc mất xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3 đã cho đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

- 01 xe Honda hiệu Fature biển số 51L6-2293, qua xác minh xe trên do ông Đặng Văn G3 đứng tên chủ sở hữu và ông G3 đã bán cho một thanh niên không rõ lai lịch. Bị cáo D và bị cáo A cùng khai nhận đi mua của một người không rõ lai lịch ở Quận 5 vào tháng 7 năm 2018 thông qua trang “Chợ tốt” với giá 3.500.000 đồng để sử dụng, không làm thủ tục sang tên, không có giấy tờ mua bán xe. Cơ quan điều tra đã cho đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

- 01 xe Exciter màu xanh dương, biển số 59X2-234.29 do anh Hoàng Ánh A đứng tên chủ sở hữu, ngày 11 tháng 10 năm 2014 anh Hoàng Ánh A bán cho cửa hàng xe gắn máy Hòa Hiệp (địa chỉ: 214 Đỗ Xuân Hợp, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 02 tháng 02 năm 2016, cửa hàng Hòa Hiệp bán lại cho anh Nguyễn Chí G7. Ngày 21 tháng 6 năm 2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh G7.

- 01 biển số xe 59N1-393.21 (giả) đã nhập kho vật chứng. 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 011756 mang tên Nguyễn Văn T đã nhập kho vật chứng. 01 giấy xác nhận bán xe viết tay do Nguyễn Công Chánh viết cho Nguyễn Văn A, 01 giấy CMND photo mang tên Nguyễn Công Chánh (kèm theo hồ sơ). 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng hồng, Imeil 358571072069907 kèm theo sim số 0395230434 thu giữ của bị cáo A(đã nhập kho vật chứng).

Tại bản cáo trạng số 109/CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai tháng) tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự và từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo A cho cả 02 tội danh là từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 03 (ba) năm tù. Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 02 biển số giả 59N1-393.21 và 68M1-210.20. Tịch thu, sung quỹ nhà nước điện thoại Iphone thu của bị cáo A. Lưu hồ sơ những chứng còn lại. Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự Quận 3 xử lý theo quy định đối với xe gắn máy Exiter màu trắng đỏ có biển số thật 66V1-471.15 và xe Future biển số 51L6-2293.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D xuất trình sổ khám bệnh điều trị nhiễm HIV và đơn thuốc điều trị để xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn D đã nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Văn A tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay; Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 18/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 3; Lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Trước đó vào ngày 26 tháng 11 năm 2018 bị cáo sử dụng điện thoại Iphone lên mạng xã hội tìm mua xe không giấy tờ. Đến ngày 28 tháng 11 năm 2018, sau khi gặp người bán xe và xem xe SH150i, bị cáo Nguyễn Văn A biết xe gắn máy hiệu SH150i có biển số giả 59N1-393.21 vào thời điểm tháng 11 năm 2018 có giá 56.333.000 đồng, thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị G1, bị mất xe vào ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại số 50 Trương Văn Thành, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh do một thanh niên không rõ lai lịch bán với giá 27.500.000 đồng là xe gian, xe bị mất trộm do người khác phạm tội mà có, nhưng vì tham lam nên bị cáo vẫn mua là đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Văn A và bị cáo Nguyễn Văn D tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay; Bản kết luận giám định số 514/KLGD-TT ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Bản kết luận giám định số 735/KL-KTHS ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang; Lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào tháng 8 năm 2018 tại số 29 đường số 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị cáo Nguyễn Văn D nhờ bị cáo Nguyễn Văn A đứng tên mua một chiếc xe hiệu Exciter màu đỏ trắng của một người đàn ông tên Nguyễn Công Chánh (biển số ghi trong giấy xác nhận mua bán là 59S2-582.52, bị cáo D tháo biển số bỏ thùng rác không thu hồi được) với giá 19.000.000 đồng. Sau khi mua xe, bị cáo D và bị cáo A biết biển số xe vừa mua không khớp với kiểu loại xe Yamaha Exciter nên bị cáo D nhờ bị cáo A tìm cách làm giả Giấy đăng ký xe và biển số giả phù hợp với kiểu loại xe Yamaha Exciter để sử dụng. Bị cáo A lên mạng xã hội liên hệ với người có tên Facebook “Domto” và cung cấp thông tin về loại xe, số khung, số máy xe vừa mua để thuê làm giả với giá 3.000.000 đồng. Bị cáo D đã đưa cho bị cáo A 3.000.000 đồng để chuyển khoản cho “Domto”, sau đó người này giao cho bị cáo A 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy có số seri 011756 mang tên Nguyễn Văn T và 01 biển số 68M1-210.20. Sau đó bị cáo A đưa cho bị cáo D dùng gắn vào xe mua của Nguyễn Công Chánh để sử dụng là cả hai đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp làm giả 02 tài liệu trở lên được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét về tính chất vụ án:

[4.1] Đối với hành vi phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của bị cáo Nguyễn Văn A: Trước khi phạm tội, bị cáo A hoàn toàn biết rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng việc mua bán, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có sẽ bị pháp luật trừng trị. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tham lam, bị cáo A đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội; Do vậy, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi mình đã gây ra. Nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.2] Đối với hành vi phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” của bị cáo Nguyễn Văn A và bị cáo Nguyễn Văn D: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo hoàn toàn biết rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, hành vi làm giả tài liệu là 01 biển số xe và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan tổ chức nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ; Do vậy cả hai bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi mà cả hai đã gây ra.

[5] Tuy nhiên cũng xét tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn A và bị cáo Nguyễn Văn D đều đã thành khẩn khai báo, có thái độ thật sự ăn năn hối cải; Bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; Do đó áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra mỗi bị cáo phải chịu. Riêng bị cáo D bị bệnh nan y nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của 02 bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn A khi phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” chỉ nhằm mục đích được sử dụng xe đã mua trước đó do không biết là xe gắn biển số giả mà không nhằm mục đích trục lợi, đồng thời Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 cũng đề nghị xem xét mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho cả hai bị cáo về hành vi này, xét bị cáo D đang bị nhiễm HIV cần có cơ hội chấp hành án nhanh chóng để trở về chữa bệnh. Vì vậy, nghĩ nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng mức hình phạt dưới khung đối với hành vi phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là hoàn toàn phù hợp.

[7] Hai bị cáo cùng nhau có hành vi làm giả tài liệu có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, không có bàn bạc trước, việc bị cáo D nhờ bị cáo A liên hệ làm giả tài liệu không phải là sự phân công nên đối với hành vi làm giả tài liệu cả hai cùng có vai trò như nhau nên áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xem xét là có căn cứ.

[8] Bị cáo Nguyễn Văn A cố ý thực hiện hai hành vi phạm tội nên áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt là có căn cứ.

[9] Vật chứng của vụ án:

- Xét, 02 biển số giả 59N1-393.21 và 68M1-210.20 là vật cấm lưu hành, đều liên quan đến tội phạm và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

- Xét, điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng hồng, số Imeil 358571072069907 cùng sim số 0395230434 là vật chứng mà bị cáo Nguyễn Văn A sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Xét, đối với xe gắn máy hiệu Yamaha Exiter màu trắng đỏ có biển số thật là 66V1-471.15 mà cả hai bị cáo khai mua của đối tượng Nguyễn Công Chánh và xe gắn máy hiệu Honda Future biển số 51L6-2293 bị cáo Phước khai nhận mua của một người không rõ lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã thông báo tìm chủ sở hữu nhưng cho đến nay vẫn không có sự phản hồi, do vậy tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3 xử lý là có căn cứ.

- Xét, đối với 01 giấy xác nhận bán xe viết tay do Nguyễn Công Chánh viết cho bị cáo Nguyễn Văn A cùng 01 CMND photo mang tên Nguyễn Công Chánh cùng với 01 giấy chứng nhận đăng xe mô tô, gắn máy số 011756 mang tên Nguyễn Văn T đều là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của hai bị cáo nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Những vật chứng khác thu giữ được trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã xử lý đúng theo quy định của pháp luật và không có sự khiếu nại nên tòa miễn xét.

[10] Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 3 nhận thấy còn có căn cứ có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được làm rõ đối với bị cáo Nguyễn Văn D về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội khi mua chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter mà đối tượng Nguyễn Công Chánh viết “Giấy xác nhận” bán xe với nội dung xe này do đối tượng Nguyễn Hoàng Hải cầm nhưng không có tiền chuộc xe. Sau khi mua bị cáo Nguyễn Văn D biết là xe “gian” nhưng vì tiếc tiền nên không giao nộp mà tiếp tục sử dụng. Quá trình điều tra, Công an Quận 3 đã xác minh tin tố giác tội phạm tại công an phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An và công an thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nhưng được thông báo không có tiếp nhận tố giác của chủ sở hữu xe là anh Trần Văn G4 (tại biên bản xác minh ngày 17 tháng 7 năm 2019 và ngày 29 tháng 10 năm 2019). Tòa án nhân dân Quận 3 đã trả hồ sơ để làm rõ nguồn gốc xe trên có phải do phạm tội mà có hay không đối với các đối tượng Nguyễn Công Chánh và Nguyễn Hoàng Hải. Qua quá trình xác minh điều tra lại thì Công an thị trấn Kbang xác nhận tại địa chỉ theo giấy Chứng minh nhân dân của Nguyễn Công Chánh là thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai không có người tên Nguyễn Công Chánh sinh ngày 04 tháng 7 năm 1993 như thông tin trong CMND photo kèm theo “Giấy xác nhận” khi bán xe (tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Công an Quận

3). Đối với đối tượng Nguyễn Hoàng Hải, Công an phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xác định có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 16/93/C4 tổ 4, khu phố 7, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên, hiện không rõ bỏ đi đâu, làm gì (Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Công an Quận 3).

Vì vậy, không đủ cơ sở xử lý hình sự với bị cáo Nguyễn Văn D về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[11] Đối với đối tượng bán xe SH150i cho bị cáo Nguyễn Văn A trước số 974A Hoàng Sa, qua rà soát camera an ninh trong khu vực thì không thu giữ được hình ảnh nhận dạng, bị cáo A cũng không biết lai lịch của đối tượng nên không có cơ sở để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn A đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 09 (chín) tháng tù;

Bị cáo Nguyễn Văn A đã phạm tội ”Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn A cho cả hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn D đã phạm tội “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy: Biển số xe số 59N1-393.21 và biển số xe 68M1-210.20.

- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng hồng, Imeil 358571072066907 kèm theo số sim 0395230434 thu giữ của bị cáo A. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm máy móc bên trong và tình trạng hoạt động.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy giả có số seri 011756 mang tên Nguyễn Văn T. Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 Giấy xác nhận do Nguyễn Công Chánh ký tên và 01 CMND photo mang tên Nguyễn Công Chánh.

- Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự Quận 3 làm thủ tục thông báo trên báo để tìm và trả lại 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ đen, số khung RLCUG0610HY498764, số máy G3D4E-520936 và 01 xe gắn máy hiệu Honda Future, màu đen-bạc, biển số 51L6-2293, số khung RNAWCHENA61074636, số máy VZS152FMH-074636. Tình trạng cả 02 xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Nếu quá 06(sáu) tháng kể từ ngày ra thông báo mà không có chủ sở hữu hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu và nộp ngân sách nhà nước.

(Tài sản tịch thu, tiêu hủy; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước ghi trong Lệnh nhập kho vật chứng số 129/LNK ngày 27 tháng 12 năm 2018 và Lệnh nhập kho số 180/LNK-CSHS ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Công an Quận 3).

Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH3 ngày 25-11-2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Công an Quận 3;
- Sở Tư Pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ(...)

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành